

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị M, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm F, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số A đường C, tổ I, khu phố D, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Tại đơn khởi kiện ngày 10/4/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hồ Thị M trình bày:**

Bà Hồ Thị M và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/2013, quyền số I/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa ngày 28/02/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà sinh sống và làm việc tại phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng ông, bà sống hạnh phúc được một thời gian rồi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông T không chăm lo làm ăn, ham chơi, ham mê cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vợ con, tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng không tự giải quyết được. Hiện ông, bà đã ly thân từ tháng 9/2023.

Nay bà M xác nhận tình cảm giữa bà và ông Lê Văn T không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Minh N, sinh ngày 10/3/2013 và cháu Lê Văn S, sinh ngày 27/8/2022. Từ khi ông bà ly thân, 02 con chung đều do bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, mọi chi phí sinh hoạt, học tập đều do bà M chi trả và ông T không hỏi han, quan tâm hay cấp dưỡng gì. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con là Lê Thị Minh N và Lê Văn S sau khi vợ chồng ly hôn và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng (tương ứng 1.500.000 đồng/ cháu)

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Lê Văn T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết công khai và yêu cầu ông Lê Văn T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Hồ Thị M nhưng ông T không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án triệu tập ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải vào ngày 08/7/2024 nhưng ông T vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến, không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện ông T đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà M.

- *Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Hồ Thị M và ông Lê Văn T tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường T và được cung cấp như sau:* Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án, bà Hồ Thị M không có đơn yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ phường T tiến hành hòa giải. Hội liên hiệp phụ nữ phường T, thành phố D cũng không có thông tin trình báo về mâu thuẫn giữa vợ, chồng bà Hồ Thị M và ông Lê Văn T. Vì vậy, về tình trạng quan hệ hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông, bà H liên hiệp phụ nữ phường T không biết được.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc tiến hành tố tụng đã đảm bảo tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T đã có những mâu thuẫn trầm trọng. Sau khi bà M nộp đơn ly hôn, Tòa án đã triệu tập ông T đến Tòa nhiều lần nhưng ông T không đến, chứng tỏ ông T cũng không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà M. Do vậy, việc bà M yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Về con chung: Các con đang sống cùng bà M và đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Hồ Thị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt 02 lần

liên tiếp không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị M và ông Lê Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/2013, quyển số I/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 28/02/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của bà M thì thực tế cuộc sống vợ chồng của bà và ông T có nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ nhiều năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, ông T không chăm lo làm ăn, ham chơi, ham mê cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập ông T đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không đến tham gia hòa giải, điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và chính ông T cũng không quan tâm và không muốn hàn gắn. Vì vậy, bà M yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa bà Hồ Thị M và ông Lê Văn T có 02 con chung là cháu Lê Thị Minh N, sinh ngày 10/3/2013 và cháu Lê Văn S, sinh ngày 27/8/2022. Khi ly hôn bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tòa án đã triệu tập ông T để trình bày ý kiến về con chung nhưng ông T vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng. Xét thấy, từ khi ông T và bà M ly thân đến nay, cả hai cháu đều do bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu N có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, cháu S hiện nay còn rất nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, việc giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn sẽ bảo đảm quyền lợi của phụ nữ, trẻ em khi vợ chồng ly hôn, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000đ/tháng/con, tổng cộng 3.000.000 đồng/tháng/02con. Xét, nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha, mẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: *“cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Sau khi xem xét nhu cầu thiết yếu của con chung ở độ tuổi chưa thành niên. Xét thấy, bà M yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung với tổng số tiền 3.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về trông chấp ly hôn, nuôi con của bà Hồ Thị M đối với ông Lê Văn T.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị M phải chịu án phí ly hôn; ông Lê Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Đ a Khoản 5 và Đ a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đ a Khoản 5, Đ a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị M về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Lê Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị M được ly hôn với ông Lê Văn T (giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/2013, quyển số I/2013 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 28/02/2013).

1.2. Về con chung: Buộc ông Lê Văn T giao 02 con chung là cháu Lê Thị Minh N, sinh ngày 10/3/2013 và cháu Lê Văn S, sinh ngày 27/8/2022 cho bà Hồ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, bà Hồ Thị M phải tạo điều kiện cho ông Lê Văn T qua lại thăm nom con, không ai có quyền cản trở ông Lê Văn T thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi 02 con số tiền 3.000.000 (ba triệu đồng)/tháng (1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/con). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Lê Thị Minh N, Lê Văn S đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002961 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ông Lê Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn bà Hồ Thị M và bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Thanh**